

**CÔNG TY TNHH MTV
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2017



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban giám đốc	1 - 2
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
3. Bảng cân đối kế toán	5 - 6
4. Báo cáo kết quả kinh doanh	7
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 22

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau (dưới đây gọi tắt là Công ty) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017.

1. Chủ tịch và Ban Giám đốc

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm tài chính nêu trên và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
- Ông Nguyễn Tấn Văn	Chủ tịch kiêm Giám đốc

2. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 202 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001128655 đăng ký lần đầu ngày 20/09/2013 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 18/05/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động quản lý kinh doanh, thiết kế và thi công các công trình công cộng, cây xanh, công viên, mai táng, hệ thống điện chiếu sáng;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động nêu trên.

4. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 5 đến trang 22.

Các kết quả tài chính

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.784.136.893 VND
- Lợi nhuận khác	94.731.266 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.878.868.159 VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.175.773.632 VND
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.703.094.527 VND

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

6. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có

7. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

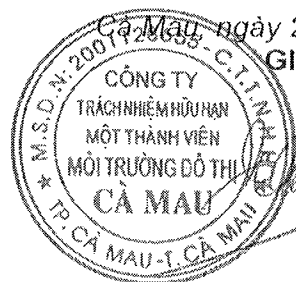
Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

9. Phê duyệt báo cáo tài chính

Theo ý kiến của Chủ tịch Công ty, không có khoản nợ không lường trước hay các khoản nợ khác có thể làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thanh toán nợ của Công ty.

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Chủ tịch Công ty cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty và không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

Theo ý kiến của Chủ tịch công ty, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được lập và thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Cà Mau, ngày 26 tháng 02 năm 2018

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN TẤN VĂN



Số: 18/2018/SVCT - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công Ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Cà Mau

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Cà Mau ("Công ty") được lập ngày 15 tháng 01 năm 2018 từ trang 5 đến trang 22 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

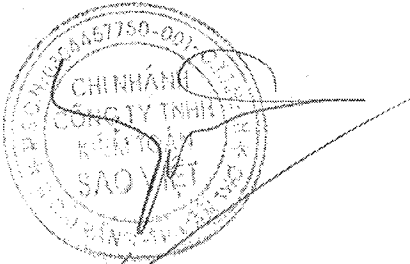
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã nêu tại điểm 5(i) và 11(k), mục V của Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2015, Công ty đã nhận bàn giao công nợ phải thu từ Công ty Cấp thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau chuyển sang số tiền 38.866.162.004 đồng theo Công văn số 314/UBND – KT ngày 22/01/2015 của UBND Tỉnh Cà Mau. Cho đến thời điểm 31/12/ 2017, Công ty đã thu hồi được 849.612.000 đồng. Như vậy số còn phải thu hồi là 38.016.550.004 đồng. Đây là khoản công nợ quá hạn khó thu hồi mà Công ty phải nhận bàn giao theo chỉ đạo của UBND Tỉnh Cà Mau.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Cà Mau tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Thị Thiên Nga
Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0462-2018-107-1
Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt, CN Cần Thơ
Cần Thơ, ngày 26 tháng 02 năm 2018

A handwritten signature in black ink, appearing to read 'Lê Thị Hồng Phương'.

Lê Thị Hồng Phương
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 3578-2016-107-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

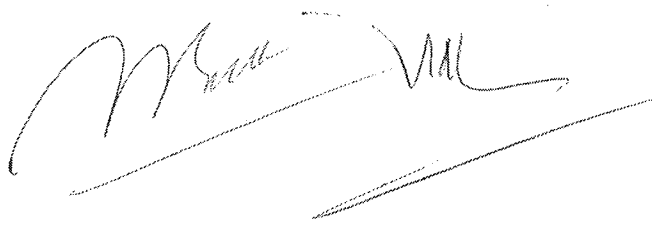
			Đơn vị tính: VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.120.407.771	15.862.342.899
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	2.648.634.799	6.376.777.810
1. Tiền	111		2.648.634.799	6.376.777.810
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.2	10.376.226.909	7.700.831.518
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		9.952.443.557	7.139.632.929
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	69.144.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		443.228.352	503.721.589
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(19.445.000)	(11.667.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.3	3.007.849.346	1.689.598.367
1. Hàng tồn kho	141		3.007.849.346	1.689.598.367
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	V.4	87.696.717	95.135.204
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		87.696.717	95.135.204
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		54.940.822.024	53.676.298.229
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210	V.5	38.593.499.856	38.433.221.034
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		537.724.307	537.724.307
4. Phải thu dài hạn khác	218		38.593.499.856	38.433.221.034
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(537.724.307)	(537.724.307)
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		16.037.804.145	14.886.292.515
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	16.037.804.145	14.886.292.515
- Nguyên giá	222		27.131.888.966	24.190.022.421
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.094.084.821)	(9.303.729.906)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		279.668.022	279.668.022
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	279.668.022	279.668.022
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		29.850.001	77.116.658
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	29.850.001	77.116.658
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		71.061.229.795	69.538.641.128

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		57.080.519.903	55.671.478.197
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		14.484.357.899	13.075.316.193
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	1.137.459.001	833.069.865
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14.123.850	25.609.850
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	870.568.043	996.851.143
4. Phải trả người lao động	314		4.343.364.482	4.594.935.324
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	100.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		35.586.795	13.980.007
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.083.255.728	6.510.870.004
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		42.596.162.004	42.596.162.004
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.11	42.596.162.004	42.596.162.004
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.980.709.892	13.867.162.931
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410	V.12	13.904.877.885	13.791.330.924
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.446.200.326	12.332.653.365
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		1.458.677.559	1.458.677.559
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	430		75.832.007	75.832.007
1. Nguồn kinh phí	431	V.13	75.832.007	75.832.007
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		71.061.229.795	69.538.641.128



Lý Kim Nguyễn
Người lập

Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Văn
Giám Đốc

Cà Mau, ngày 15 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		39.412.207.890	38.649.556.630
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		133.287.000	4.706.909
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	39.278.920.890	38.644.849.721
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	24.789.712.330	24.930.292.242
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	14.489.208.560	13.714.557.479
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	16.606.238	21.854.788
7. Chi phí tài chính	22		-	12.802.243
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	12.802.243
8. Chi phí bán hàng	24	VI.3	1.685.930.555	1.867.241.186
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	7.035.747.350	6.330.428.493
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.784.136.893	5.525.940.345
11. Thu nhập khác	31	VI.5	117.351.266	258.221.817
12. Chi phí khác	32		22.620.000	9.022.500
13. Lợi nhuận khác	40		94.731.266	249.199.317
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.9	5.878.868.159	5.775.139.662
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	1.175.773.632	1.155.027.932
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.9	4.703.094.527	4.620.111.730



Lý Kim Nguyên
Người lập

Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Tấn Văn
Giám đốc
Cà Mau, ngày 15 tháng 01 năm 2018

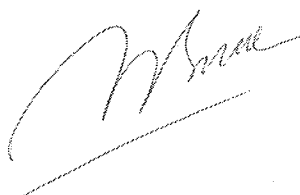
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

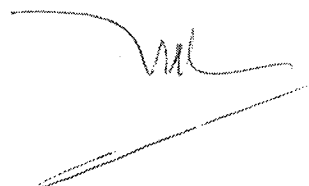
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chi tiêu	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	39.142.052.176	46.083.372.432
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(13.157.894.003)	(15.509.705.439)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(20.128.213.655)	(19.685.908.064)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(12.802.243)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.298.530.427)	(1.128.744.722)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	936.193.763	1.673.530.040
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(9.050.248.167)	(8.393.598.640)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.556.640.313)	3.026.143.364
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(255.108.936)	(147.683.763)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	67.000.000	226.363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.606.238	21.854.788
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(171.502.698)	100.534.661
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	1.210.411.485
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(3.481.575.485)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(2.271.164.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.728.143.011)	855.514.025
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.376.777.810	5.521.263.785
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.648.634.799	6.376.777.810



Lý Kim Nguyên
Người lập



Nguyễn Quốc Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Văn
Giám đốc

Cà Mau, ngày 15 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Ngày 21/08/2012, Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cà Mau đã có Quyết định số 1201/QĐ – UBND về việc cổ phần hóa bộ phận doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau. Theo Quyết định này, Công ty sẽ tiến hành cổ phần hóa bộ phận "cấp thoát nước, thi công xây dựng và công trình". Trong đó, Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối là 51%.

Ngày 09/09/2013, Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cà Mau đã có Quyết định số 1303/QĐ – UBND về việc đổi tên Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau thành Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau. Vốn điều lệ của Công ty (sau khi tách bộ phận doanh nghiệp được cổ phần hóa nêu trên) là 30.000.000.000 đồng và là doanh nghiệp công ích 100% vốn Nhà nước.

Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô thị Cà Mau được đổi tên từ Công ty Cấp thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau theo Quyết định số 1303/QĐ- UBND của UBND Tỉnh Cà Mau ký ngày 09/09/2013 và được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001128655 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 20/09/2013 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 18/05/2015.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau, vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000.

Vốn góp của chủ sở hữu và Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thể hiện trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 lần lượt là 12.446.200.326 và 1.458.677.559. Như vậy, tổng vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2017 của Công ty là 13.904.877.885.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động quản lý kinh doanh, thiết kế và thi công các công trình công cộng, cây xanh, công viên, mai táng, hệ thống điện chiếu sáng;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động nêu trên.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 202 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

7. Thông tin so sánh:

Số liệu để làm cơ sở so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2016 đã kiểm toán.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm 2017 được bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cuối niên độ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên được xử lý theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc trích lập và hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Tại ngày 31/12/2017, Công ty không có hàng tồn kho bị giảm giá cần trích lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<i>Nhóm TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 30 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	04 – 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	04 – 06 năm

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ. Trong năm 2017, Công ty không phát sinh các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

7. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm tài chính này, Công ty không phát sinh chi phí thuế TNDN hoãn lại.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản đi vay được thể hiện theo giá gốc.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong năm tài chính này, Công ty không có khoản chi phí lãi vay nào cần được vốn hóa.

12. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp thỏa mãn các điều kiện của Chuẩn mực kế toán về ghi nhận doanh thu.

14. Nguyên tắc kế toán các khoản chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc phù hợp, thận trọng và bảo toàn vốn.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Năm 2017, Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2017, Công ty không phát sinh chi phí thuế TNDN hoãn lại.

16. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm tại ngày 01/01/2017 là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2016 đã kiểm toán.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2017</u>		<u>01/01/2017</u>
Tiền mặt	130.562.834		66.456.614
Tiền gửi ngân hàng	2.518.071.965	(a)	6.310.321.196
Cộng	<u>2.648.634.799</u>		<u>6.376.777.810</u>

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2017 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Ngân hàng TMCP Công thương VN, CN Cà Mau (VND)	2.518.071.965
Cộng	<u>2.518.071.965</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

Khoản mục	31/12/2017	01/01/2017
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	9.952.443.557 (b)	7.139.632.929
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	69.144.000
Phải thu ngắn hạn khác	443.228.352 (c)	503.721.589
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(19.445.000) (d)	(11.667.000)
Cộng	10.376.226.909	7.700.831.518

(b) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn khách hàng tại ngày 31/12/2017 như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
- Phải thu Phòng TCKH TP. Cà Mau	6.762.511.000	-
- Phải thu Cty TNHH MTV Cây xanh Cà Mau	1.855.290.267	-
- Phải thu Phòng tài nguyên và Môi trường Huyện Trần Văn Thời	493.988.000	-
- Các đối tượng khác	840.654.290	19.445.000
Cộng	9.952.443.557	19.445.000

(c) Chi tiết số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2017 như sau:

	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
- Dư Nợ 141 – Tạm ứng	266.500.000	-
- Dư Nợ 338 – Bảo hiểm phải thu người lao động	176.728.352	-
Cộng	443.228.352	-

(d) Chi tiết số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2017 như sau:

	Nợ khó đòi	Số đã trích lập dự phòng	Số chưa trích lập dự phòng
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	19.445.000	19.445.000	-
Cộng	19.445.000	19.445.000	-

3. Hàng tồn kho

Khoản mục	31/12/2017	01/01/2017
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	665.967.920 (e)	421.579.886
Công cụ, dụng cụ trong kho	120.591.243	111.271.149
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.058.162.732 (f)	1.097.446.970
Hàng hóa tồn kho	163.127.451	59.300.362
Cộng giá gốc hàng tồn kho	3.007.849.346	1.689.598.367

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(e) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho tại các đơn vị trực thuộc tại ngày 31/12/2017 như sau:

	Số tiền
- Nguyên vật liệu	641.957.414
- Nhiên liệu	24.010.506
Cộng	665.967.920

(f) Chi tiết số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2017 như sau:

	Số tiền
- Chi phí vệ sinh đô thị công ích dở dang	2.058.162.732
Cộng	2.058.162.732

4. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản mục	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí trả trước ngắn hạn	87.696.717 (g)	95.135.204
Cộng	87.696.717	95.135.204

(g) Số dư chi phí trả trước ngắn hạn tại ngày 31/12/2017 chủ yếu là giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí in hóa đơn... chờ phân bổ vào chi phí.

5. Các khoản phải thu dài hạn

Khoản mục	31/12/2017	01/01/2017
Phải thu dài hạn của khách hàng	537.724.307 (h)	537.724.307
Phải thu dài hạn khác	38.593.499.856 (i)	38.433.221.034
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(537.724.307) (j)	(537.724.307)
Cộng	38.593.499.856	38.433.221.034

(h) Chi tiết số dư phải thu dài hạn khách hàng tại ngày 31/12/2017 như sau:

	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
- Phải thu tiền trả góp, vệ sinh tồn cúp do nhận bán giao từ Công ty cũ	525.706.307	525.706.307
- Dịch vụ vệ sinh nội ô TP. Cà Mau	12.018.000	12.018.000
Cộng	537.724.307	537.724.307

(i) Chi tiết số dư phải thu dài hạn khác tại ngày 31/12/2017 như sau:

	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
Công nợ nhận bàn giao từ Công ty cũ	38.016.550.004	38.016.550.004
- Hồ Đại Nghĩa (*)	28.776.684.096	28.776.684.096
- Võ Hoàng An (*)	3.173.918.246	3.173.918.246
- Mai Văn Năm (*)	890.161.946	890.161.946
- Lê Văn Thế (*)	1.125.074.055	1.125.074.055
- Huỳnh Minh Thế (*)	546.692.130	546.692.130
- Châu Quốc Khải (*)	2.288.278.307	2.288.278.307
- Trần Thanh Vũ (*)	224.756.451	224.756.451

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
- Lâm Văn Hùng (*)	990.984.773	990.984.773
Lương trả hộ cho Ban thu hồi nợ (**)	436.328.650	-
Phải thu khác của Ban thu hồi nợ (**)	41.580.942	-
BHXH, BHYT, BHTN của Ban thu hồi nợ (**)	99.040.260	-
Cộng	38.593.499.856	38.016.550.004

(*) Các khoản nợ quá hạn thanh toán này đã được Công ty gửi hồ sơ khởi kiện.

(**) Tổng chi phí cho Ban thu hồi nợ để thực hiện công tác thu hồi nợ từ Công ty Cấp thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau chuyển sang không được đưa vào chi phí kinh doanh của Công ty mà tạm ứng từ tiền thu hồi công nợ theo Công văn số 314/UBND – KT ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh Cà Mau.

6. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	01/01/2017	Tăng	Giảm	31/12/2017
Nguyên giá	24.190.022.421	3.431.764.545	489.898.000	27.131.888.966
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5.959.422.719	-	-	5.959.422.719
- PT vận tải, TB truyền dẫn	17.814.016.702	3.431.764.545	489.898.000	20.755.883.247
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	416.583.000	-	-	416.583.000
Hao mòn lũy kế	9.303.729.906	2.280.252.915	489.898.000	11.094.084.821
- Nhà cửa, vật kiến trúc	2.193.606.742	313.884.792	-	2.507.491.534
- PT vận tải, TB truyền dẫn	6.898.260.452	1.893.211.243	489.898.000	8.301.573.695
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	211.862.712	73.156.880	-	285.019.592
Giá trị còn lại	14.886.292.515			16.037.804.145
- Nhà cửa, vật kiến trúc	3.765.815.977			3.451.931.185
- PT vận tải, TB truyền dẫn	10.915.756.250			12.454.309.552
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	204.720.288			131.563.408

Chi tiết tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2017 như sau:

	Số tiền
Tài sản tăng do đầu tư mua sắm mới	3.431.764.545
- Xe tưới nước Dongfeng	618.181.818
- Xe ép rác Hino	1.339.185.091
- Xe cầu Isuzu	1.474.397.636
Cộng	3.431.764.545

Chi tiết tài sản cố định hữu hình giảm trong năm 2017 như sau:

	Số tiền
- Thanh lý 3 xe rác	489.898.000
Cộng	489.898.000

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.267.483.876 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Tài sản dở dang dài hạn

Chi tiết số dư Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2017 như sau:

Công trình	31/12/2017	01/01/2017
- Công trình dự án bãi rác TP. Cà Mau (&)	279.668.022	279.668.022
Cộng	279.668.022	279.668.022

(&) Đây là khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang nhận bàn giao từ Công ty Cấp thoát nước và Môi trường Đô thị Cà Mau chuyển sang. Thực tế thì dự án này đã ngưng triển khai nhưng chưa được quyết toán với Ngân sách.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Khoản mục	31/12/2017	01/01/2017
- Chi phí CCDC chờ phân bổ	29.850.001	77.116.658
Cộng	29.850.001	77.116.658

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
- Phải trả người bán ngắn hạn	1.137.459.001 (j)	833.069.865
Cộng	1.137.459.001	833.069.865

(j) Chi tiết số dư phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 31/12/2017 như sau:

Nhà cung cấp	Số tiền
- Công ty TNHH Ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa	1.000.000.000
- Các nhà cung cấp khác	137.459.001
Cộng	1.137.459.001

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
Phải nộp	996.851.143	3.186.892.080	3.313.175.180	870.568.043
- Thuế giá trị gia tăng	698.046.827	1.884.937.635	1.888.463.940	694.520.522
- Thuế TNDN	298.804.316	1.175.773.632	1.298.530.427	176.047.521
- Thuế TNCN	-	61.884.172	61.884.172	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và PN khác	-	61.296.641	61.296.641	-
Cộng	996.851.143	3.186.892.080	3.313.175.180	870.568.043

11. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
- Phải trả dài hạn khác	42.596.162.004 (k)	42.596.162.004
Cộng	42.596.162.004	42.596.162.004

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Thế hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(k) Chi tiết số dư khoản phải trả dài hạn khác tại ngày 31/12/2017 như sau:

Ngân hàng	Số tiền
- Nhận bàn giao từ công ty cũ chuyển sang (*)	38.866.162.004
- Tạm ứng kinh phí từ Sở Tài Chính	3.700.000.000
- Các đối tượng khác	30.000.000
Cộng	42.596.162.004

(*) Đây là khoản hạch toán đối ứng với công nợ phải thu nhận bàn giao từ Công ty Cấp thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau chuyển sang theo Công văn số 314/UBND – KT ngày 22/01/2017 của UBND Tỉnh Cà Mau.

12. Vốn chủ sở hữu

(a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước

Khoản mục	01/01/2016	Tăng	Giảm	31/12/2016
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12.187.941.635	144.711.730	-	12.332.653.365
- Quỹ đầu tư phát triển	-	144.711.730	144.711.730	-
- Lợi nhuận ST chưa PP	-	4.620.111.730	4.620.111.730	-
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	1.458.677.559	-	-	1.458.677.559
Cộng	13.646.619.194	4.909.535.190	4.764.823.460	13.791.330.924

(b) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

Khoản mục	01/01/2017	Tăng	Giảm	31/12/2017
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12.332.653.365	113.546.961	-	12.446.200.326
- Quỹ đầu tư phát triển	-	113.546.961	113.546.961	-
- Lợi nhuận ST chưa PP	-	4.703.094.527	4.703.094.527	-
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	1.458.677.559	-	-	1.458.677.559
Cộng	13.791.330.924	4.930.188.449	4.816.641.488	13.904.877.885

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng trong năm 2017 như sau:

	Số tiền
- Kết chuyển từ Quỹ đầu tư phát triển	113.546.961
Cộng	113.546.961

Chi tiết Quỹ đầu tư phát triển tăng trong năm 2017 như sau:

	Số tiền
- Trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2017	113.546.961
Cộng	113.546.961

Chi tiết Quỹ đầu tư phát triển giảm trong năm 2017 như sau:

	Số tiền
- Kết chuyển sang vốn đầu tư của chủ sở hữu	113.546.961
Cộng	113.546.961

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Nguồn kinh phí

Khoản mục	31/12/2017	01/01/2017
- Nguồn kinh phí đầu năm	75.832.007	75.832.007
- Nguồn kinh phí nhận bàn giao trong năm	-	-
- Chi sự nghiệp	-	-
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	<u>75.832.007</u>	<u>75.832.007</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp

1.1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp năm trước

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp	Tỷ lệ lãi gộp
- Doanh thu DV công	24.901.940.284	19.019.478.985	5.882.461.299	23,62%
- Doanh thu DV tư	8.468.521.943	3.240.237.668	5.228.284.275	61,74%
- Doanh thu rút hầm cầu	493.339.997	202.423.619	290.916.378	58,97%
- Doanh thu công trình	1.051.610.000	879.039.120	172.570.880	16,41%
- Doanh thu khác	3.729.437.497	1.589.112.850	2.140.324.647	57,39%
Doanh thu thuần	38.644.849.721	24.930.292.242	13.714.557.479	35,49%

1.2. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp năm nay

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp	Tỷ lệ lãi gộp
- Doanh thu DV công	24.617.458.637	19.195.265.785	5.422.192.852	22,03%
- Doanh thu DV tư	9.685.448.366	3.423.752.646	6.261.695.720	64,65%
- Doanh thu rút hầm cầu	346.067.272	136.626.144	209.441.128	60,52%
- Doanh thu công trình	342.548.182	204.999.000	137.549.182	40,15%
- Doanh thu khác	4.287.398.433	1.829.068.755	2.458.329.678	57,34%
Doanh thu thuần	39.278.920.890	24.789.712.330	14.489.208.560	36,89%

2. Doanh thu hoạt động tài chính

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	16.606.238	21.854.788
Cộng	16.606.238	27.775.479

3. Chi phí bán hàng

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	1.092.841.664	1.651.881.635
- Chi phí khấu hao TSCĐ	57.549.000	57.549.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	409.055.707	12.200.000
- Chi phí khác	126.484.184	145.610.551
Cộng	1.685.930.555	1.867.241.186

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Thế hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

<i>Khoản mục</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	4.484.604.151	4.855.263.087
- Chi phí đồ dùng văn phòng	40.113.713	22.122.254
- Chi phí khấu hao TSCĐ	350.270.424	351.288.378
- Thuế, phí và lệ phí	3.996.641	3.000.000
- Chi phí dự phòng	7.778.000	11.667.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.000.000	61.274.690
- Chi phí khác	2.098.984.421	1.025.813.084
Cộng	<u>7.035.747.350</u>	<u>6.330.428.493</u>

5. Thu nhập khác

<i>Khoản mục</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu thanh lý TSCĐ	67.000.000	226.363.636
- Chi thanh lý TSCĐ	(2.400.000)	(8.095.454)
- Thu nhập khác	52.751.266	39.953.635
Cộng	<u>117.351.266</u>	<u>258.221.817</u>

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

<i>Khoản mục</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên vật liệu	3.841.618.402	3.361.405.817
- Chi phí nhân công	18.035.382.484	18.335.850.637
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.856.825.611	1.432.083.100
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.009.819	84.488.664
- Chi phí bằng tiền khác	1.976.591.776	2.203.478.833
- Chi phí bán hàng	1.685.930.555	1.867.241.186
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.035.747.350	6.330.428.493
Cộng	<u>34.472.105.997</u>	<u>33.614.976.730</u>

7. Chi phí thuế TNDN hiện hành

<i>Khoản mục</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	1.175.773.632	1.155.027.932
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào CPTTNDNHH năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>1.175.773.632</u>	<u>1.155.027.932</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế TNDNHL	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các việc hoàn nhập thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-

9. Phân phối lợi nhuận

<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2017</i>	5.878.868.159
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>	1.175.773.632
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	4.703.094.527
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	113.546.961
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành	230.431.500
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.359.116.066
<i>Số dư lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2017</i>	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: không có.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** không có
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:** không có
- Thông tin về các bên liên quan:** không có
- Thông tin so sánh:** Số liệu để làm cơ sở so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2016 đã kiểm toán.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. **Thông tin về hoạt động liên tục:** Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.
6. **Thay đổi chính sách kế toán:** Kể từ năm 2015, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.
7. **Những thông tin khác:** không có

NGƯỜI LẬP



LÝ KIM NGUYỄN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN QUỐC TUẤN

Cà Mau, ngày 15 tháng 01 năm 2018

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TẤN VĂN